

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VỮNG TÀU GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VỮNG TÀU GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT XD VT GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 3502477602

3. Ngày thành lập: 26/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

217/16 Chu Văn An, Phường Long Tâm, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0933650088

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết : + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao, - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ;	4511

5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
11.	Trồng lúa	0111

12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác chi tiết: Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
19.	Trồng cây hàng năm khác chi tiết : Trồng cây gia vị hàng năm Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
32.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
33.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
34.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Chăn nuôi khác	0149
37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp chi tiết: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm;	0150

38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt chi tiết: Xử lý cây trồng; - Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng; - Cắt, xén, tỉa cây lâu năm; - Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; - Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng; - Kiểm tra hạt giống, cây giống; - Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi chi tiết: - Hoạt động để thúc đẩy việc nhân giống; tăng trưởng và sản xuất sản phẩm động vật; - Kiểm tra vật nuôi, chăn dắt cho ăn, thiến hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân...; - Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; - Cắt, xén lông cừu; - Các dịch vụ chăn thả, cho thuê đồng cỏ; - Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú; - Phân loại và lau sạch trứng gia cầm, lột da súc vật và các hoạt động có liên quan; - Đóng móng ngựa, trông nom ngựa.	0162
40.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch chi tiết: - Các khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm, như làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy; - Tỉa hạt bông; - Sơ chế thô lá thuốc lá, thuốc lào; - Sơ chế thô hạt cô ca...;	0163
41.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
45.	Khai thác quặng sắt	0710
46.	Giáo dục nhà trẻ	8511
47.	Giáo dục mẫu giáo	8512
48.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
49.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
50.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
51.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
52.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
53.	Hoạt động của các tổ chức tôn giáo	9491

54.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
55.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
56.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
57.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; - Hoạt động tư vấn đầu tư; - Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp.	6619
58.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết : Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	6810
59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động đo đạc và bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình	7110
60.	Bán buôn tổng hợp chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa;	4690
61.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu rắn, lỏng, khí;	4730
62.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chi tiết: Khai thác quặng bôxít	0722
63.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
64.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
65.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
66.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.	0990
68.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
69.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

71.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
72.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dẹt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphát và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính atphát, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
73.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Bưu chính	5310
79.	Chuyển phát	5320
80.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
81.	Cơ sở lưu trú khác chi tiết : Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm	5590
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh	5610
83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển	7730
87.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
88.	Đại lý du lịch	7911
89.	Điều hành tua du lịch	7912
90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
91.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
92.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
93.	Xây dựng nhà để ở	4101
94.	Xây dựng nhà không để ở	4102
95.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
96.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
97.	Xây dựng công trình điện	4221
98.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222(Chính)
99.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
100.	Xây dựng công trình công ích khác chi tiết: xây dựng công trình thể thao;	4229
101.	Xây dựng công trình thủy	4291
102.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
103.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
104.	Phá dỡ	4311
105.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
106.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 939.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÕ THANH TUẤN	Áp 4B, Xã Hòa Hưng, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.889. 000	478.890.000.00 0	51,000	0450820001 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	47.889. 000	478.890.000.00 0	51,000		
2	LÊ VĂN ĐÔNG	Áp 1, Xã Tân Thanh, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.780. 000	187.800.000.00 0	20,000	011579425	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	18.780. 000	187.800.000.00 0	20,000		

3	LÊ KHẢ HƯƠNG	68/69/21/14 KP 5, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.695.000	46.950.000.000	5,000	038059002186
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.695.000	46.950.000.000	5,000	
4	VÕ QUỐC TUẤN	Áp 4, Xã Hưng Nhượng, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.695.000	46.950.000.000	5,000	321220000
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.695.000	46.950.000.000	5,000	
5	VÕ HỒNG QUANG	E14/415/4 Áp 5, Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.878.000	18.780.000.000	2,000	023214796
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.878.000	18.780.000.000	2,000	

6	PHẠM PHÚ ĐIỀN	Số 267 Ấp 1, Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.878.0 00	18.780.000.000	2,000	0960790150 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.878.0 00	18.780.000.000	2,000		
7	TRƯƠNG HOÀNG AN	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.390.0 00	93.900.000.000	10,000	385153749	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.390.0 00	93.900.000.000	10,000		
8	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	Ấp An Hòa, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.695.0 00	46.950.000.000	5,000	0871790228 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.695.0 00	46.950.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ THANH TUẤN** Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*
Sinh ngày: *01/01/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *311579125*
Ngày cấp: *06/06/2011* Nơi cấp: *Công an tỉnh Tiền Giang*
Địa chỉ thường trú: *Ấp 1, Xã Tân Thanh, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Ấp 1, Xã Tân Thanh, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu